TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TƠ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 23-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thúy Nga;

2. Ông Trần Thanh Hoài.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 785/TB-TA ngày 14/12/2021 đối với bị cáo:

Trần Việt T, tên gọi khác: T Rồng; sinh năm 1986; nơi sinh tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú thôn G, xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M và bà Huỳnh Thị N; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân:

Ngày 23/7/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 10 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự phúc thẩm số 58/HSPT.

Ngày 29/3/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự phúc thẩm số 10/HSPT. Bị cáo đang thi hành án tại Trại giam Sông Cái, Ninh Thuận; năm 2006 bị di lý về huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra về tội trộm cắp tài sản là xe mô tô, trong thời gian chờ xét xử đã trốn khỏi nơi giam giữ và bị bắt.

Ngày 04/4/2006 bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2006/HSST.

Ngày 26/9/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 40 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam giữ" tại Bản án hình sự phúc thẩm số 55/2006/HSPT và tổng hợp của 03 bản án trên là 88 tháng tù. Ngày 07/8/2010, bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Ngày 24/10/2011 bị Tòa án nhân dân T phố Quảng Ngãi xử phạt 04 năm tù giam về tội "Cướp giật tài sản" tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2011/HSST.

Ngày 26/10/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 03 năm 06 tháng về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án hình sự phúc thẩm số 02/2015/HSPT.

Ngày 10/10/2018, bị cáo chấp hành xong hình phạt, đã chấp hành xong án phí dân sự sơ thẩm, án phí hình sự sơ thẩm và hình phạt bổ sung. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 70 Bộ luật Hình sự bị cáo Trần Việt T đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 14/10/2021 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại***: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1997; (có mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

**** Người làm chứng:***

- Anh Phạm Văn C, sinh năm 2002; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Phạm Văn L, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Trương Thị L, sinh năm 1990; (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum.

- Chị Lê Thị Thu N, sinh năm 1989; (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum.

- Ông Lê Tấn T, sinh năm 1965; (vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn K, xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum.

- Anh Lê Thanh L, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum.

* Người phiên dịch: Ông Phạm Văn C, Công tác tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Ba Tơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 10/5/2021, trong khi bị cáo đi dạo chơi tại tổ R, thôn M, xã B, huyện B thì bị cáo phát hiện 01 chiếc xe mô tô biển kiểm sát (BKS) 76G1-202.92, loại xe Exciter 150, màu sơn Đen-Vàng dựng phía trước hè nhà anh Phạm Văn V, không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô nói trên để bán lấy tiền tiêu xài.

Sau khi quan sát xung quanh, bị cáo tiến tới vị trí xe mô tô nói trên, đồng thời nhìn dưới cột nhà sàn có một trục vít dẹp đã cũ nên nhặt lên đút vào ổ khóa điện xe mô tô bẻ khóa. Khi mở được ổ khóa điện, bị cáo quay đầu xe lại rồi ngồi lên xe, xổ dốc ra đường bê tông, rồi tiếp tục xổ dốc thêm một đoạn mới đề nổ máy xe đi lên hướng tỉnh Kon Tum.

Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo vào quán tạp hoá của chị Trương Thị L sinh năm 1990, địa chỉ thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum mua 02 lít xăng và một canh đựng xăng với giá 50.000đ, xe mô tô T để nổ máy dựng ngoài đường. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe chạy thêm khoảng 05km rồi dừng để đổ xăng vào xe mô tô. Sau khi đổ xăng xong thì xe mô tô bị hư hỏng do máy không nổ (chết máy) nên T giấu xe vào bụi cây ven đường gần đó rồi đi bộ ngược lại khoảng 01km thì phát hiện Quán cơm H do bà Lê Thị Thu N sinh năm 1989, ở thôn K, xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum làm chủ đã đóng cửa nên bị cáo nằm võng đợi đến sáng hôm sau. Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 11/05/2021, khi thấy quán H mở cửa, T vào quán ngồi nói chuyện với ông Lê Tấn T sinh năm 1965 và chị N thì được chị N cho mượn xe máy để đi tìm người sửa xe. Sau đó, T đi đến tiệm sửa xe máy của anh Lê Thanh L sinh năm 1984, ở thôn V, xã P, huyện K, tỉnh Kon Tum ở gần đó nhờ anh L sửa xe. T chở anh L tới vị trí chiếc xe bị hư rồi T đẩy xe xuống quán H. Tại đây, ông L sửa xong chiếc xe cho T và T trả tiền công 100.000 đồng. Sau đó, T điều khiển xe bỏ chạy về hướng tỉnh Gia Lai. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo khai lên tới thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có liên hệ với đối tượng tên Còi (bị cáo không biết chính xác tên, tuổi, địa chỉ cụ thể mà chỉ gọi biệt danh là "Còi" quê ở Bình Định). T khai có gặp "Còi" và một số người quen của "Còi" nhưng không xác định được chính xác địa chỉ, vị trí nào ở thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai thì bị các đối tượng lừa lấy mất chiếc xe mô tô BKS 76G1–202.92 mà bị cáo đã trộm cắp vào ngày 10/5/2021 tại thôn M, xã T, huyện B nói trên. Đến sáng ngày 12/05/2021, Trần Việt T đón xe khách về lại tỉnh Quảng Ngãi

Trong ngày 12/5/2021, Trần Việt T đến Công an xã V, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi tự khai nhận hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô BKS 76G1-202.92, tại nhà Phạm Văn V, ở thôn M, xã T, huyện B vào ngày 10/5/2021. Căn cứ nội dung bản tự khai của Trần Việt T, vào ngày 12/05/2021, Cơ quan điều tra phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện B và chính quyền địa phương, cùng với Trần Việt T đi kiểm tra, xác định vị trí vào mà Trần Việt T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 10/5/2021. Qua đó, Trần Việt T đã lần lượt chỉ rõ địa điểm, vị trí mà T đã trộm cắp xe môtô BKS 76G1-202.92 tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23/09/2021, Cơ quan điều tra tiến hành nhận dạng qua ảnh cho người nhận dạng là bà Trương Thị L, Lê Thanh L, Lê Thị Thu N, Lê Tấn T, kết quả: bà

L, ông L, bà N, ông T xác định chính xác Trần Việt T là người sử dụng xe mô tô vào đêm ngày 10 và sáng ngày 11/05/2021 có đặc điểm phù hợp với đặc điểm của xe mô tô BKS 76G1-202.92 bị mất vào ngày 10/05/2021 tại nhà anh Phạm Văn V, ở thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Ba Tơ phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành thực nghiệm điều tra vào ngày 22/10/2021, kết quả: Trần Việt T đã mô tả lại hiện trường, diễn biến hành vi lấy trộm xe mô tô BKS 76G1-202.92 phù hợp với lời khai bị hại, nhân chứng và các tài liệu chứng cứ khác.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Việt T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, vào tối ngày 10/05/2021, khi phát hiện thấy xe mô tô BKS 76G1-202.92 dựng trước hè nhà, không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trên nhằm mục đích bán xe để lấy tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS, ngày 15/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận xe mô tô BKS 76G1 – 202.92; nhãn hiệu YAMAHA; Số loại Exciter 150; Số máy: G3D4E124688; số khung: 0610FY112075; màu sơn Đen – Vàng; dung tích xi lanh 150 cc có giá trị tại thời điểm bị xâm hại là: 10.312.500 đồng (Mười triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của mình vào ngày 10/5/2021, bị cáo khai nhận bản thân không có nghề nghiệp. Do đó, để có tiền tiêu xài, bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 31/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Trần Việt T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Việt T từ 14 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền giá trị xe mô tô BKS 76G1–202.92 là 30.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị trả lại cho bị cáo:

01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212341706, mang tên Trần Việt T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu Xanh – Đen, Model: izi 125.

Đối với số tiền 155.000đ (một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) Cơ quan điều tra đang tạm giữ của bị cáo Trần Việt T. Đây là tài sản riêng của Trần Việt T không liên quan đến vụ án nhưng đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không có tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường giá trị xe mô tô BKS 76G1 – 202.92 số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại.

Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô BKS 76G1 – 202.92 số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Vì khi mua xe mô tô số tiền 39.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng Phạm Văn C, Phạm Văn L, Lê Thanh L vắng mặt và người làm chứng Trương Thị L, Lê Thị Thu N, ông Lê Tấn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, quá trình điều tra, truy tố những người làm chứng đã có bản khai, có đơn xin xét xử vắng mặt nên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa bị cáo Trần Việt T giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn thừa nhận với hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; Kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ, ngày 10/5/2021, tại thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, Trần Việt T đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô BKS 76G1–202.92; nhãn hiệu Yamaha; Số loại Exciter 150; màu sơn Đen–Vàng thuộc sở hữu của anh Phạm Văn V, với giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại là 10.312.500 đồng (mười triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng). Hành vi của bị cáo Trần Việt T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của mình; nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội là để có tiền tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên bị

cáo cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tự thú về hành vi phạm tội của mình; trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai báo rõ ràng, ăn năn hối cải về hành vi do mình gây ra, không gây trở ngại cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; bà ngoại của bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm r, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đối chiếu với các quy định pháp luật. Do bị cáo có nhân thân xấu, mặc dù có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng sau thời gian bị cáo chấp hành án phạt tù về các tội xâm phạm sở hữu, bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, không tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Xét thấy cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng xét thấy bị cáo hiện không có việc làm nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị xe mô tô BKS 76G1 – 202.92 số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo bồi thường giá trị xe mô tô BKS 76G1 – 202.92 số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ trên người bị cáo những vật chứng sau:

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212341706, mang tên Trần Việt T.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel; màu Xanh – Đen; Model: izi 125, IMEI 1: 355633046034806.

- Số tiền 155.000đ (một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Xét thấy, số tiền, giấy chứng minh nhân dân và điện thoại di động hiệu Masstel trên là của bị cáo, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo quản lý,

sử dụng; nhưng cần tiếp tục tạm giữ số tiền 155.000đ và điện thoại di động trên để đảm bảo thi hành án.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Trần Việt T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Trần Việt T 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14 tháng 10 năm 2021.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584; 585; 589 Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo Trần Việt T bồi thường cho anh Phạm Văn V số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 212341706, mang tên Trần Việt T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel; màu Xanh – Đen; Model: izi 125, IMEI 1: 355633046034806 và Số tiền 155.000đ (một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tiếp tục tạm giữ các vật chứng dưới đây để đảm bảo thi hành án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel; màu Xanh – Đen; Model: izi 125.

- Số tiền 155.000đ (một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tơ ngày 04/11/2021 và Biên lai thu tiền số 0001400 ngày 04/11/2021)

6. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trần Việt T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo, căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo, bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THA DS huyện Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ
(Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Huy